

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hoàng Khải

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tiêu Liễu C, sinh ngày 15/3/1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh N, sinh ngày 01/01/1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: : ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tiêu Liễu C trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 6/2010, chị Tiêu Liễu C và anh Bùi Thanh N có tổ chức lễ thành hôn và sống chung với nhau như vợ chồng. Đến ngày 12/9/2014 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh

phúc, nhưng thời gian gần đây giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung với nhau và bất đồng quan điểm trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thể hòa hợp và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn mang đến hạnh phúc cho nhau, vợ chồng không thể hàn gắn và mâu thuẫn giữa anh chị đã trở nên trầm trọng nên chị T Liễu Ca yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh N.

Về con chung: Chị Tiêu Liễu C và anh Bùi Thanh N có 02 người con chung, cháu tên Bùi Nhân N1 (Giới tính: Nam) sinh ngày 15/6/2011 và cháu Bùi Thị Kim N2 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 20/02/2013, hai cháu hiện đang sống chung với chị Tiêu Liễu C.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị T Liễu Ca yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Bùi Thanh N. Con chung chị T Liễu Ca yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Nhân N1 và cháu Bùi Thị Kim N2, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu E có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Võ Thị Thu E và anh Nguyễn Văn Đ.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Võ Thị Thu E và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 19/8/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu E: Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của chị Võ Thị Thu E và anh Nguyễn Văn Đ rất hạnh phúc và đã có con chung nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Chị Thu E và anh Đ đã sống ly thân gần 05 năm nay. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị Võ Thị Thu E vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Võ Thị Thu E và anh Nguyễn Văn Đ là trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Võ Thị Thu E yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Thu E và anh Đ có 01 người con chung, tên Nguyễn Thị Kiều O (giới tính: Nữ) sinh ngày 07/3/2018, hiện đang sống chung với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị Võ Thị Thu E đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Kiều O cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Kiều O cũng có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu xin được sống chung với cha (anh Nguyễn Văn Đ). Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Nguyễn Thị Kiều O nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Kiều O cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị Thu E không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của anh Nguyễn Văn Đ nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của anh Nguyễn Văn Đ và chị Võ Thị Thu E có hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Võ Thị Thu E phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Thu E được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều O (Giới tính: Nữ) sinh ngày 07/3/2018 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Võ Thị Thu E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Võ Thị Thu E thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu E phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Võ Thị Thu E được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007538 phiếu lập ngày 27 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã Hiệp Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil